

MARKET LENS

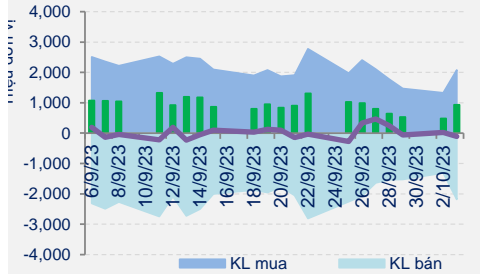
Phiên giao dịch ngày: 3/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

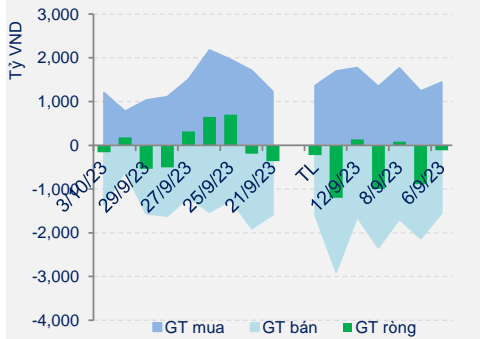
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,118.10	226.68
% Thay đổi	↓ -3.22%	↓ -4.24%
KLGD (CP)	931,480,222	136,737,480
GTGD (tỷ đồng)	21,027.32	2,599.70
Tổng cung (CP)	2,184,520,102	179,134,500
Tổng cầu (CP)	2,079,703,675	162,987,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	47,380,032	845,672
KL mua (CP)	39,012,546	1,686,372
GT mua (tỷ đồng)	1,200.78	29.58
GT bán (tỷ đồng)	1,360.94	16.09
GT ròng (tỷ đồng)	(160.16)	13.49

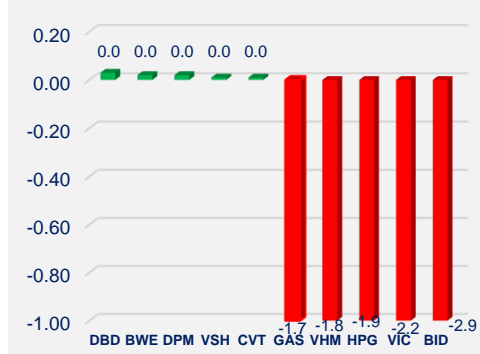
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau diễn biến phục hồi nhẹ, thanh khoản ở mức rất thấp phiên giao dịch trước. VN-INDEX mở cửa phiên hôm nay đã tạo khoảng trống giảm giá tiêu cực với thanh khoản gia tăng thể hiện áp lực bán mạnh. Áp lực bán tiếp tục duy trì và gia tăng mạnh hơn ở cuối phiên buổi sáng và trong phiên chiều với thanh khoản gia tăng mạnh so với phiên trước. Kết phiên VN-INDEX giảm mạnh 37,15 điểm (-3,22%) khi không giữ được vùng giá thấp nhất tháng 09/2023 về mức 1.118,10 điểm. HNX-INDEX giảm mạnh hơn 10,04 điểm (-4,24%) về mức 226,68 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết rất tiêu cực khi tổng cộng có 631 mã giảm giá (73 mã giảm sàn), 71 mã tăng giá (05 mã tăng trần) và 68 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 23.627,02 tỷ đồng, tăng mạnh 83,14% so với phiên trước, trên mức trung bình cho thấy áp lực bán gia tăng mạnh trở lại đối với nhiều mã, nhóm mã khi VN-INDEX tiếp tục không giữ được các vùng giá thấp tháng trước. Nhà đầu tư nước ngoài tăng cường giao dịch, bán ròng trở lại với giá trị 160,16 tỷ đồng, trong đó bán ròng nhóm ngân hàng, dịch vụ tài chính, chứng khoán, thép; mua ròng trên HNX với giá trị 13,49 tỷ đồng.

Ngân hàng Vietcombank vừa cho biết áp dụng biểu lãi suất huy động mới và giảm 0,2 điểm % ở loạt kỳ hạn từ 3 tháng trở lên. Với mức lãi suất 5,3%/năm kỳ hạn từ 12 tháng trở lên, Vietcombank đã đưa lãi suất huy động của ngân hàng này xuống mức thấp lịch sử, thấp hơn cả giai đoạn Covid-19. Cụ thể, Vietcombank đã từng niêm yết lãi suất kỳ hạn 12 tháng ở mức 5,5%/năm suốt giai đoạn từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2022.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán chịu áp lực bán tiêu cực nhất với số lượng mã giảm giá hết biên độ chiếm đa số, thanh khoản vượt mức trung bình với PSI (-8,33%), WSS (-7,25%), VCI (-6,94%), BSI (-6,93%), CTS (-6,89%)...

Các cổ phiếu nhóm thép cũng chịu áp lực bán mạnh, đa số giảm hết biên độ, thanh khoản trên mức trung bình với VGS (-9,64%), TVN (-8,70%), HSG (-6,97%), TLH (-6,94%), SMC (-6,84%), NKG (-6,78%)...dưới áp lực của thị trường chung cũng như thông tin EU bắt đầu đánh thuế carbon từ 1/10/2023. Đây là công cụ chính sách của EU nhằm đánh thuế carbon đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu vào thị trường châu Âu. Bước đầu, EU sẽ áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới carbon đối với các hàng hóa nhập khẩu có nguy cơ ô nhiễm cao như thép, xi măng, phân bón, nhôm, điện và hydro.

Nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh mạnh với thanh khoản gia tăng trên mức trung bình sau khi phục hồi với thanh khoản kém, đa số giảm mạnh hết biên độ như CEO (-9,72%), L14 (-9,21%), PDR (-7,00%), DIG (-6,97%), SCR (-6,95%), HDC (-6,94%)..

Các nhóm ngành khác đều chịu áp lực điều chỉnh, bán mạnh với thanh khoản gia tăng hơn cho thấy tâm lý thị trường rất kém tích cực, bị quan với áp lực bán gia tăng ở phiên chiều khi các vị thế cổ phiếu T+2 ngắn hạn thua lỗ.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm mạnh 35,5 điểm (-3,04%) với khối lượng giao dịch tăng mạnh 66,38% so với phiên trước, vượt mức trung bình cho thấy các vị thế đầu cơ, bán trong phiên tăng mạnh đột biến. Chênh lệch kỳ hạn VN30F2310 dương 0,41 điểm so với VN30 phản ánh kỳ vọng sẽ có phục hồi trong phiên tiếp theo. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30f2403 chênh lệch từ 0,11 điểm đến -6,79 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn thu hẹp cho thấy các trader vẫn kém lạc quan đối với xu hướng VN30 ở các kỳ hạn lớn hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên giảm điểm mạnh hôm nay xóa bỏ hết mọi nỗ lực phục hồi trong các phiên vừa qua, VnIndex một lần nữa thủng các ngưỡng hỗ trợ quan trọng 1.150 điểm và 1.135 điểm. Chốt phiên giao dịch Vn-Index giảm -37,15 điểm (-3,22%) và đóng cửa ở 1.118,10 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường tiếp tục trong nhịp điều chỉnh mạnh và chưa hình thành đáy ngắn hạn để hồi phục. Biên độ điều chỉnh mạnh khiến rủi ro trong ngắn hạn tăng cao mặc dù thị trường hoàn toàn có các nhịp hồi kỹ thuật. Ngưỡng hỗ trợ gần của chỉ số là quanh vùng 1.105 điểm, kháng cự quanh vùng 1.135 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, với phiên giảm mạnh hôm nay và lần thứ 2 đánh mất các mốc hỗ trợ 1.150 điểm và 1.135 điểm, xu hướng uptrend trung hạn của thị trường đã bị suy yếu và đang bị đe dọa kết thúc nếu VnIndex không sớm hồi phục lấy lại mốc 1.135 trong các phiên tới. Thị trường nhiều khả năng sẽ vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian tích lũy cũng sẽ kéo dài.

Thị trường trong ngắn hạn đang đối diện nhiều rủi ro mặc dù có thể có những nỗ lực hồi phục ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỷ trọng thấp, quản trị rủi ro danh mục và tranh thủ các nhịp hồi phục nếu có để hạ tỷ trọng xuống mức an toàn. Nhà đầu tư trung, dài hạn đã mua vào từ đầu sóng theo khuyến nghị của chúng tôi tiếp tục nắm giữ danh mục và theo dõi thêm diễn biến thị trường.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

3/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	44.90	43-45	55-57	41	11.3	-27.2%	-62.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.20	13-14	17.5-18.2	12	4.6	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
PHR	46.60	46-48	57-59	43	7.1	-54.5%	136.4%	Theo dõi giải ngân
BSR	20.69	19.5-21	25.5-26	18	13.0	-35.7%	-86.8%	Theo dõi giải ngân
BVS	26.20	24-25.6	29-30	22	10.2	1.2%	415.3%	Theo dõi giải ngân
MBS	20.60	18.5-20	24-25	17.5	19.9	-21.8%	2.6%	Theo dõi giải ngân
VHM	44.05	43.5-46	61-63	41	4.3	634.5%	1348.3%	Theo dõi giải ngân
KBC	30.25	28-29.5	34-35	27	7.5	421.1%	294.5%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tu (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	31.2	25.9	35-37	30	20.3%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	74.0	72.95	87-89	78	1.4%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	20.7	21.7	26-28	19	-4.7%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Trình Trung ương, Quốc hội chính sách tiền lương mới từ ngày 1/7/2024

Chính phủ sẽ trình Trung ương, Quốc hội việc thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW kể từ ngày 1/7/2024, theo báo cáo của Chính phủ... Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà vừa ký báo cáo của Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội về công tác quản lý cán bộ, công chức. Một trong những nội dung báo cáo đề cập đến là vấn đề cải cách chính sách tiền lương.

Lãi suất tiết kiệm xuống thấp kỷ lục

Các ngân hàng liên tục hạ mạnh lãi suất, hiện kỳ hạn 12 tháng tại một số nhà băng lớn về dưới 5,5% một năm, thấp hơn giai đoạn Covid-19. Bước sang đầu tháng 10, "ông lớn" quốc doanh Vietcombank tiếp tục giảm thêm, đưa lãi suất về thấp nhất trong nhiều năm qua. Đây là lần thứ hai chỉ trong một tháng, Vietcombank giảm lãi suất huy động. Cụ thể, lãi suất khoản tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở lên, đồng loạt giảm 0,2%. Từ 3/10, lãi suất niêm yết cao nhất tại Vietcombank giảm về còn 5,3%, thấp hơn giai đoạn Covid-19 (quanh mức 5,8% một năm). Còn khoản tiền gửi từ 1 đến dưới 12 tháng dao động 3-4,3% một năm.

WB: Châu Á đối mặt triển vọng kinh tế xấu nhất trong nửa thế kỷ

Dự báo ảm đạm về kinh tế khu vực năm 2024 phản ánh mối lo ngại gia tăng về tình trạng giảm tốc của nền kinh tế Trung Quốc và khả năng sự giảm tốc này lan ra các nước láng giềng... Ngân hàng Thế giới (WB) cắt giảm dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2024 và cảnh báo rằng các nền kinh tế đang phát triển ở Đông Á-Thái Bình Dương sẽ có tốc độ tăng trưởng vào hàng thấp nhất trong 5 thập kỷ trở lại đây, trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ gia tăng ở Mỹ và mức nợ cao trở thành chướng ngại vật đối với tăng trưởng.

Bộ Xây dựng: Thị trường bất động sản tiềm ẩn yếu tố bất ổn

Thị trường bất động sản tiềm ẩn những yếu tố gây bất ổn, từ nguy cơ bong bóng sang suy thoái, thiếu nguồn cung ở các phân khúc, nhất là nhà giá rẻ, theo Bộ Xây dựng. Tại báo cáo gửi Ủy ban Kinh tế, Bộ Xây dựng cho biết nguồn cung bất động sản, nhà ở vẫn hạn chế trong quý II khi số lượng dự án hoàn thành chỉ bằng một nửa so với quý I và bằng khoảng 29% so cùng kỳ 2022. Nhiều dự án bị dừng hoặc chậm triển khai do gặp khó khăn về pháp lý, vốn. Dẫn số liệu từ các địa phương, Bộ Xây dựng cho hay số lượng nhà chung cư, nhà ở riêng lẻ giao dịch thành công chỉ bằng 43% cùng kỳ năm ngoái.



TIN DOANH NGHIỆP

Digiworld sắp chi cổ tức hơn 167 tỷ đồng, kỳ vọng hồi phục nhờ iPhone 15

CTCP Thế Giới Số (Digiworld, HOSE: DGW) dự kiến chia cổ tức năm 2022 tỷ lệ 10% bằng tiền (tương đương 1 cổ phiếu được nhận 1,000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng là 17/10, ngày dự kiến chi trả cổ tức là 25/10. Với hơn 167 triệu cp đang lưu hành, ước tính DGW cần chi hơn 167 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Nửa cuối năm 2023 DGW được kỳ vọng sẽ có sự phục hồi nhờ kinh tế Việt Nam khởi sắc, tận dụng hệ thống phân phối đa kênh lớn và doanh số từ các sản phẩm iPhone 15 mới ra mắt.

Hết quý 3/2023, VietinBank mới công bố chính thức kế hoạch lợi nhuận năm

Ngày 02/10/2023, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank, HOSE: CTG) công bố Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lợi nhuận năm 2023. Cụ thể, HĐQT CTG đặt mục tiêu đạt 22,500 tỷ đồng lợi nhuận riêng lẻ trước thuế, tăng 11% so với thực hiện năm 2022. Khép lại 6 tháng đầu năm 2023, CTG đạt lợi nhuận trước thuế riêng lẻ 12,150 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước và thực hiện được gần 54% mục tiêu lợi nhuận năm nêu trên. Trước đó, tại ĐHĐCĐ thường niên 2023 của CTG diễn ra vào tháng 4, Ngân hàng chỉ công bố các mục tiêu về tăng trưởng tổng tài sản, tín dụng và huy động nhưng chưa có con số phê duyệt về lợi nhuận.

FMC: Doanh số tháng 9 tăng 25% so với cùng kỳ

Trong tháng 9, CTCP Thực phẩm Sao ta (HOSE: FMC) ghi nhận doanh thu tháng 9 ở mức 20.3 triệu USD. Như vậy, trong quý 3, ông lớn ngành tôm đạt doanh số 64 triệu USD, tăng nhẹ so với cùng kỳ. Trong tháng 9/2023, mảng tôm và nông sản của FMC đều khởi sắc. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ tôm thành phẩm 1,800 tấn, tăng 39% so cùng kỳ năm trước. Còn sản lượng tiêu thụ nông sản thành phẩm 125 tấn, tăng 93% so cùng kỳ năm trước.

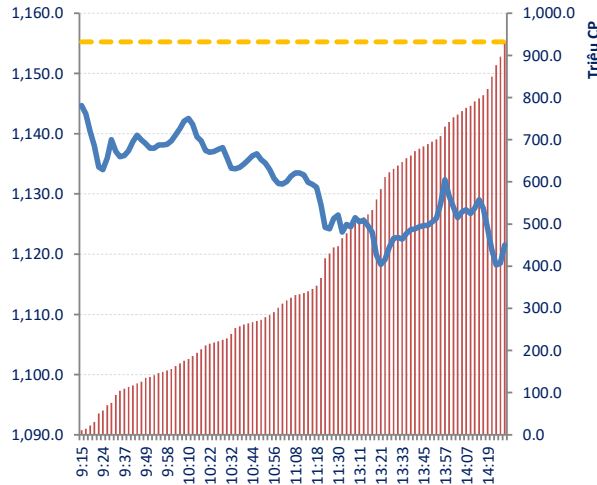
Nhiệt điện Phả Lại (PPC) chi 128 tỷ đồng trả cổ tức còn lại năm 2022

(ĐTCK) Ngày 18/10, CTCP Nhiệt điện Phả Lại (mã chứng khoán PPC - sàn HOSE) sẽ chốt quyền trả cổ tức còn lại năm 2022. Theo đó, Công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 4% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 400 đồng). Thời gian thanh toán vào ngày 27/10. Như vậy, với 320,6 triệu cổ phiếu đang lưu hành, PPC sẽ cần chi hơn 128 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Trước đó, vào cuối tháng 7, PPC đã chi 128 tỷ đồng để thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền cũng với tỷ lệ 4%.

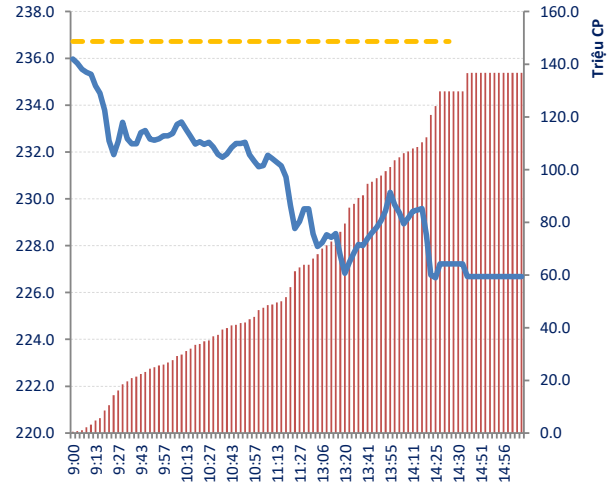


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

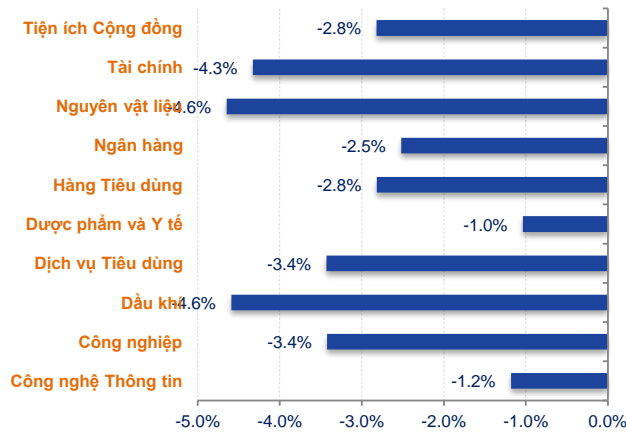
KLGD và VN-Index trong phiên



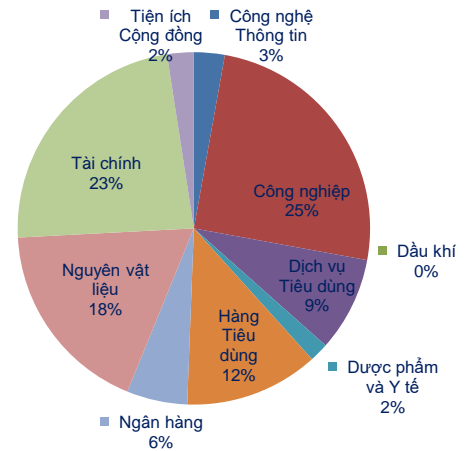
KLGD và HNX-Index trong phiên



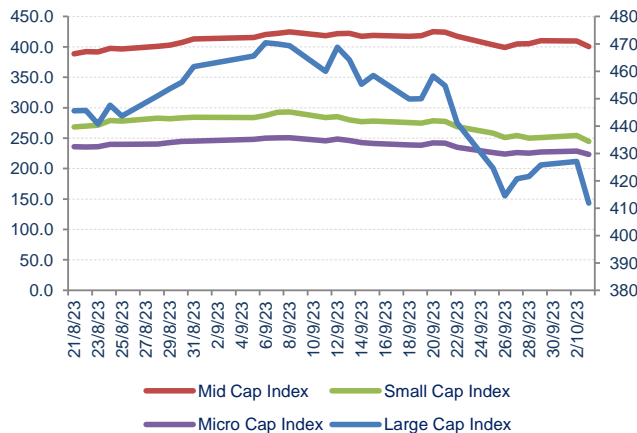
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



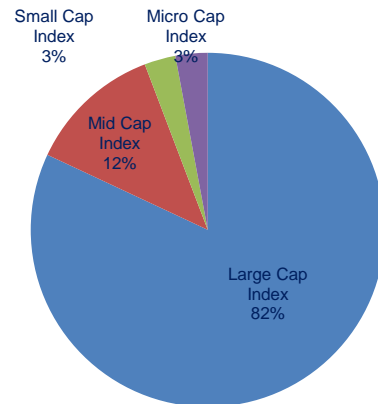
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DPM	1,381,240	VPB	2,180,100	1	TIG	763,500	VIG	142,000
2	TTA	1,298,400	CTG	1,794,516	2	BVS	203,500	CEO	111,260
3	HDB	1,181,479	POW	1,755,260	3	TNG	121,300	NVB	103,400
4	VRE	755,070	VCG	1,151,070	4	PVS	67,000	SHS	43,902
5	MWG	710,900	FUEVFVND	893,600	5	API	47,800	MBS	27,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	32.10	30.20	↓ -5.92%	42,246,000	SHS	17.40	15.90	↓ -8.62%	40,338,674
VND	21.10	19.65	↓ -6.87%	41,976,600	CEO	21.60	19.50	↓ -9.72%	14,171,219
HPG	26.20	24.80	↓ -5.34%	40,668,000	PVS	37.90	36.00	↓ -5.01%	12,780,298
VIX	16.00	14.90	↓ -6.88%	37,147,800	MBS	22.00	20.60	↓ -6.36%	8,092,560
STB	30.85	29.20	↓ -5.35%	33,420,937	HUT	24.20	22.10	↓ -8.68%	7,140,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPS	8.91	9.53	0.62	↑ 6.96%	PHN	36.00	39.60	3.60	↑ 10.00%
YEG	12.75	13.60	0.85	↑ 6.67%	PPE	10.40	11.40	1.00	↑ 9.62%
RDP	9.94	10.60	0.66	↑ 6.64%	SDG	17.80	19.40	1.60	↑ 8.99%
TDW	55.30	58.80	3.50	↑ 6.33%	EBS	12.40	13.40	1.00	↑ 8.06%
VMD	20.50	21.65	1.15	↑ 5.61%	VE3	8.90	9.50	0.60	↑ 6.74%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KDH	32.50	28.70	-3.80	↓ -11.69%	HHC	117.00	105.30	-11.70	↓ -10.00%
NAV	16.50	15.10	-1.40	↓ -8.48%	APS	7.00	6.30	-0.70	↓ -10.00%
VTB	10.75	9.99	-0.76	↓ -7.07%	BST	19.30	17.40	-1.90	↓ -9.84%
DPG	37.90	35.25	-2.65	↓ -6.99%	CEO	21.60	19.50	-2.10	↓ -9.72%
DXS	9.00	8.37	-0.63	↓ -7.00%	VHL	17.60	15.90	-1.70	↓ -9.66%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	42,246,000	7.3%	1,093	29.4	2.2
VND	41,976,600	3.9%	467	45.2	1.7
HPG	40,668,000	-2.0%	(328)	-	1.6
VIX	37,147,800	7.0%	839	19.1	1.3
STB	33,420,937	17.2%	3,601	8.6	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	40,338,674	4.3%	507	34.3	1.4
CEO	14,171,219	7.7%	920	23.5	1.8
PVS	12,780,298	7.2%	1,953	19.4	1.4
MBS	8,092,560	10.0%	1,037	21.2	2.0
HUT	7,140,400	1.3%	127	190.5	5.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VPS	↑ 7.0%	4.9%	652	13.7	0.7
YEG	↑ 6.7%	2.4%	647	19.7	0.7
RDP	↑ 6.6%	1.1%	152	65.6	0.7
TDW	↑ 6.3%	25.9%	6,507	8.5	2.1
VMD	↑ 5.6%	9.7%	2,626	7.8	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PHN	↑ 10.0%	29.9%	5,411	6.7	1.9
PPE	↑ 9.6%	19.7%	932	11.2	1.9
SDG	↑ 9.0%	2.1%	970	18.4	0.4
EBS	↑ 8.1%	7.7%	1,138	10.9	0.8
VE3	↑ 6.7%	-3.0%	(421)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	1,381,240	19.1%	6,403	5.9	1.2
TTA	1,298,400	7.4%	840	9.8	0.7
HDB	1,181,479	20.3%	2,765	6.2	1.2
VRE	755,070	10.6%	1,588	16.9	1.7
MWG	710,900	6.6%	1,069	48.6	3.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	763,500	7.6%	1,091	9.4	0.7
BVS	203,500	8.3%	2,576	10.3	0.8
TNG	121,300	15.5%	2,372	8.7	1.4
PVS	67,000	7.2%	1,953	19.4	1.4
API	47,800	6.3%	721	8.5	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	483,456	23.0%	5,797	14.9	3.2
BID	222,322	19.0%	4,025	10.9	1.9
GAS	205,099	20.3%	5,567	16.0	3.0
VHM	199,212	29.1%	10,341	4.4	1.2
VIC	178,874	3.9%	1,395	33.6	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	21,599	1.3%	127	190.5	5.6
PVS	18,115	7.2%	1,953	19.4	1.4
IDC	15,411	20.7%	3,969	11.8	2.5
SHS	14,149	4.3%	507	34.3	1.4
THD	13,667	2.9%	458	77.5	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	3.61	-50.2%	(10,382)	-	0.5
QCG	3.57	-0.4%	(63)	-	0.7
PIT	3.12	0.5%	45	170.8	0.9
GEX	2.87	1.6%	385	53.5	0.8
LDG	2.86	-5.5%	(693)	-	0.3

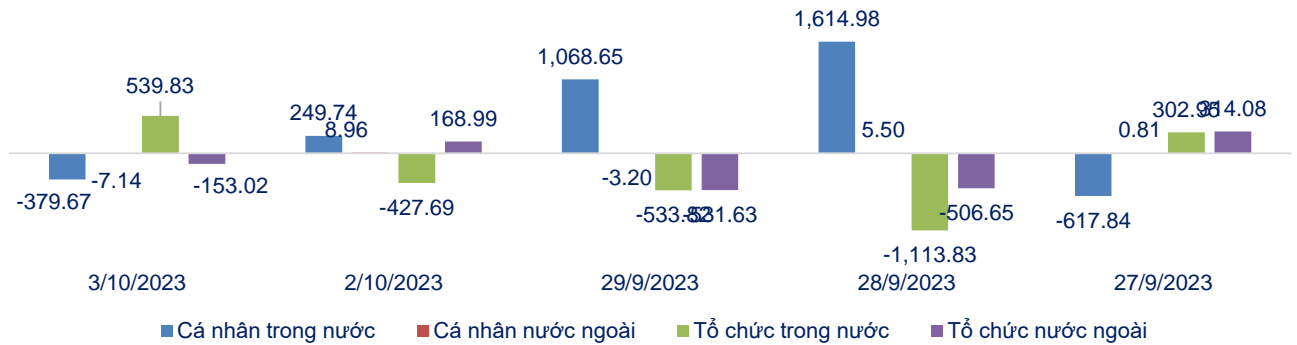
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.97	2.4%	261	85.8	2.0
VC2	2.81	3.9%	562	20.5	0.8
SDA	2.70	-0.3%	(21)	-	0.8
AAV	2.65	-1.4%	(169)	-	0.4
IDJ	2.61	5.8%	656	9.4	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	26.89	3.6%	672	37.0	1.3
VCI	26.72	5.0%	783	53.4	2.5
VIC	26.49	3.9%	1,395	33.6	1.3
POW	26.37	4.2%	602	19.5	0.8
VPB	25.14	11.1%	1,728	12.6	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-75.04	6.6%	1,069	48.6	3.3
MBB	-56.36	22.3%	3,496	5.3	1.1
HCM	-53.08	7.2%	1,250	24.9	1.8
DPM	-51.35	19.1%	6,403	5.9	1.2
SSI	-37.38	7.3%	1,093	29.4	2.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	3.63	-2.0%	(328)	-	1.6
DGC	2.34	36.6%	10,780	8.7	3.0
HSG	2.21	-12.5%	(2,114)	-	1.2
STB	2.08	17.2%	3,601	8.6	1.4
VRE	1.72	10.6%	1,588	16.9	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-9.52	22.1%	4,596	20.3	4.1
SSI	-5.74	7.3%	1,093	29.4	2.2
DBC	-2.70	2.9%	551	40.8	1.2
BWE	-2.68	16.0%	3,700	12.5	1.9
VNM	-2.62	23.9%	3,937	19.2	4.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	64.51	7.2%	1,250	24.9	1.8
CTG	62.75	15.8%	3,664	8.2	1.2
MBB	56.39	22.3%	3,496	5.3	1.1
SSI	42.65	7.3%	1,093	29.4	2.2
MWG	39.88	6.6%	1,069	48.6	3.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNE	-18.24	2.1%	270	41.7	0.9
VND	-15.43	3.9%	467	45.2	1.7
CII	-15.13	0.7%	216	91.7	0.7
BCG	-11.53	-0.3%	(79)	-	0.4
SAB	-11.45	17.8%	3,518	20.8	3.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	51.33	19.1%	6,403	5.9	1.2
MWG	35.17	6.6%	1,069	48.6	3.3
FTS	26.39	7.5%	1,172	36.4	2.7
VHC	21.88	16.4%	7,080	11.4	1.8
HDB	20.14	20.3%	2,765	6.2	1.2

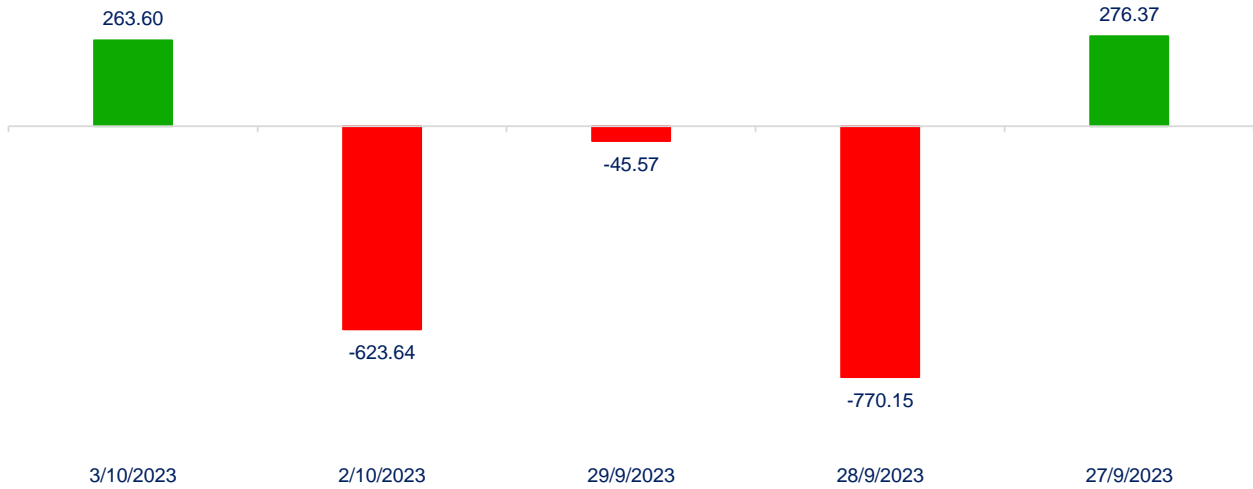
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-53.00	15.8%	3,664	8.2	1.2
VPB	-46.21	11.1%	1,728	12.6	1.4
VIC	-31.77	3.9%	1,395	33.6	1.3
MSN	-29.26	3.6%	919	84.2	2.9
VCI	-27.96	5.0%	783	53.4	2.5

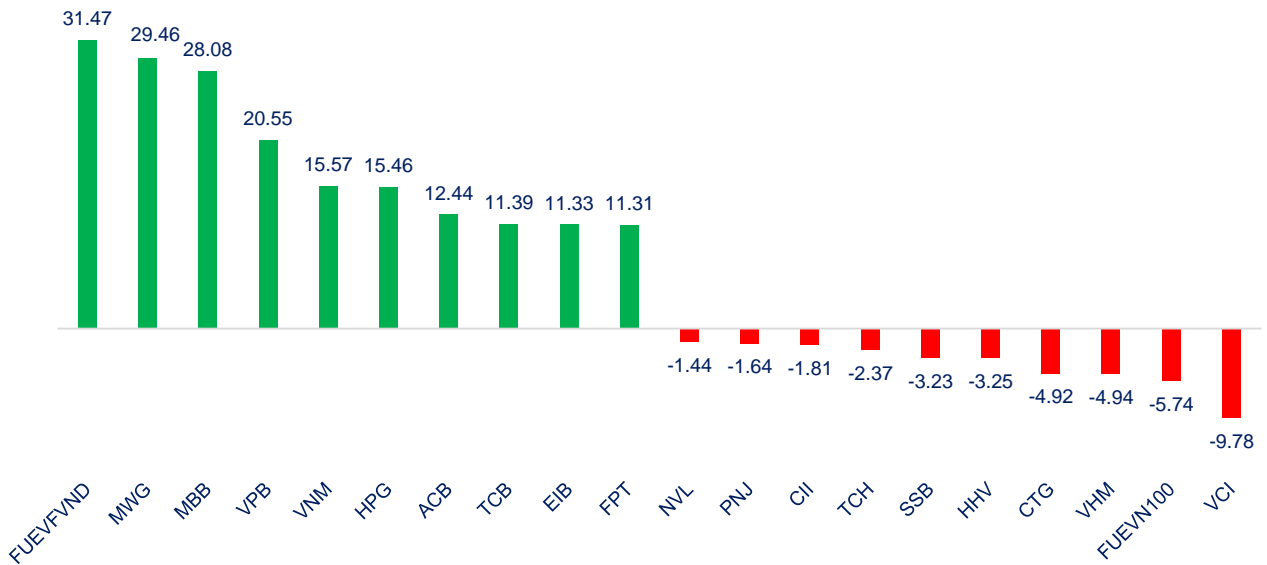


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn